

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Số điện thoại. : (067) 3877011 - (067) 3877012 - (067) 3877016

Website: www.dopetco.com.vn



NĂM 2016



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp, tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016
TẠI SỞ



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình hoạt động đầu tư
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu

III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán viên
2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Thông tin khái quát	2
Quá trình hình thành và phát triển	3
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	5
Định hướng phát triển	7
Các rủi ro	9

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp.
Vốn điều lệ	43.705.100.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	43.705.100.000 đồng
Địa chỉ	215 - 217 Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Số điện thoại	(067) 3877011 - (067) 3877012 - (067) 3877016
Số fax	(067) 3877029
Website	www.dopetco.com.vn
Mã cổ phiếu	DOP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400475345 (số cũ 5103000024) do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/10/2004, đăng ký thay đổi lần 08 ngày 07/05/2015

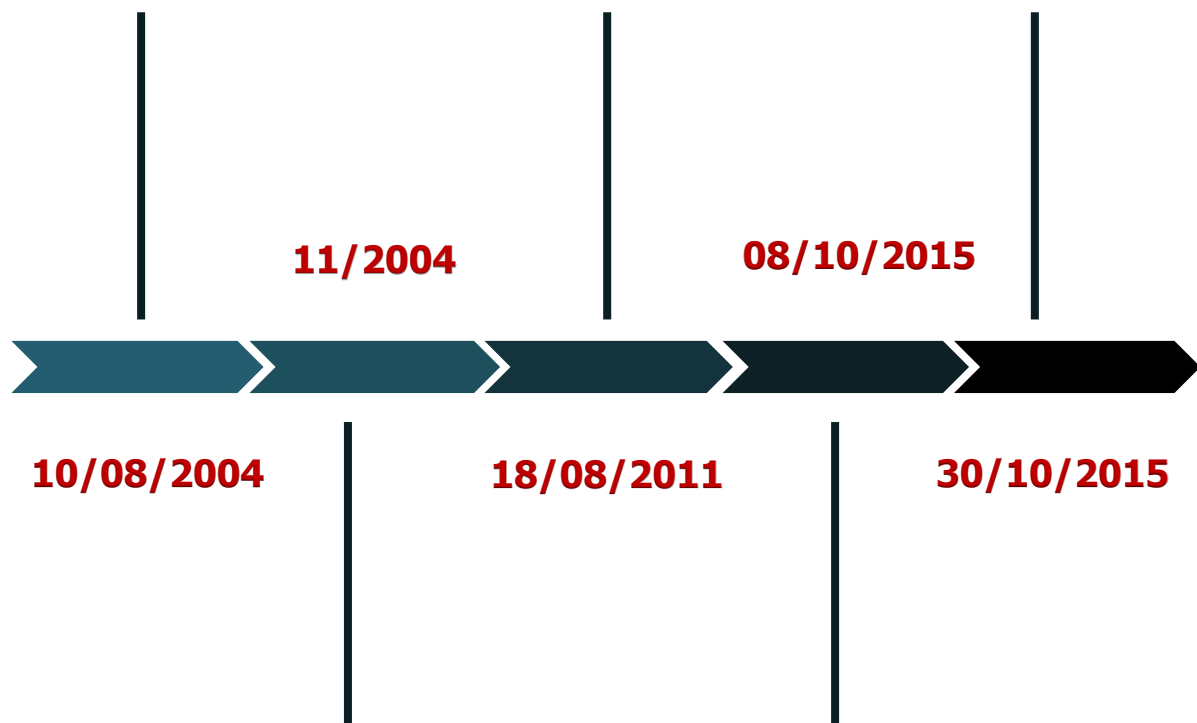


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định số 160/QĐ - UB – TL về việc cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải Xăng dầu thuộc Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2011/GCNCP - CSD cho Công ty Cổ phần Xăng Dầu Đồng Tháp.

Cổ phiếu DOP được giao dịch chính thức trên sàn UpCom.



10/08/2004

18/08/2011

30/10/2015

Công ty Cổ phần Xăng Dầu Đồng Tháp đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Trong đó, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối với việc Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (sở hữu 51% cổ phần).

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 657/QĐ – SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Đồng Tháp.

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ nội địa.
- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Mua bán và vận tải nhiên liệu lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: xăng, dầu, nhớt.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Cho thuê kho, bồn chứa xăng dầu, dịch vụ kho ngoại quan.
- Kinh doanh dịch vụ Logistic.

Địa bàn kinh doanh

Vận chuyển xăng, dầu, nhớt, khí hóa lỏng, các sản phẩm dầu mỏ và các hàng hóa khô từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ, TP. Hồ Chí Minh, đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Campuchia.



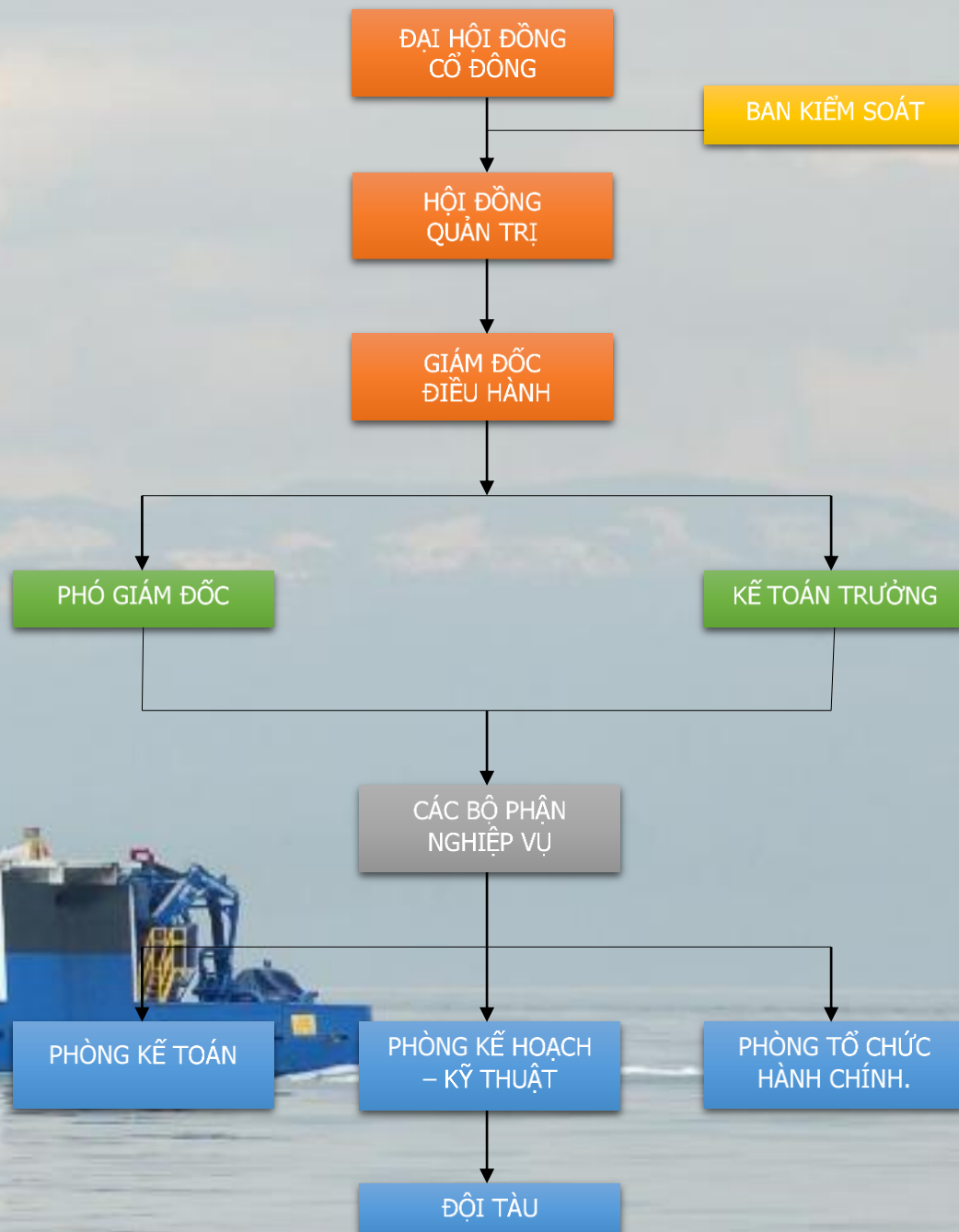
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty con, Công ty liên kết

Công ty không có công ty liên kết và công ty con



Sơ đồ tổ chức



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong ngắn hạn, công ty đề ra những mục tiêu phát triển như sau:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ nhằm đảm bảo kết quả kinh doanh, lợi nhuận đạt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Mở rộng thị phần trong lĩnh vực kinh doanh hiện tại và tìm kiếm cơ hội trong các ngành khác. Bên cạnh đó, công ty cũng lên kế hoạch mở rộng địa bàn hoạt động của công ty.
- Tìm kiếm, thu hút nhân lực chất lượng cao, tăng cường công tác đào tạo về kỹ năng làm việc, kỹ năng lãnh đạo để từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên có chất lượng.



Các mục tiêu phát triển bền vững

Đảm bảo các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, các quy định về bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

Đóng góp vào sự phát triển của địa phương về cả phương diện kinh tế và xã hội thông qua hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng đội tàu chuyên nghiệp, hiện đại để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và từng bước xây dựng thương hiệu Dometco trong lĩnh vực vận tải xăng dầu.

Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, năng động và thân thiện để nhân viên phát huy khả năng sáng tạo, từng bước xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng.

Xây dựng, củng cố và mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân là đối tác chiến lược tại thị trường nội địa, thị trường Campuchia. Tích cực tìm kiếm, mở rộng nguồn khách hàng tại các khu vực lân cận nhằm đảm bảo việc tăng trưởng doanh thu bền vững trong tương lai.



Risk

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2016, tình hình chính trị - xã hội trên thế giới đã có nhiều biến động phức tạp như: nội bộ Liên minh Châu Âu (EU) bị chia rẽ sâu sắc bởi vấn đề nhập cư mà đỉnh điểm là yêu cầu rời khỏi EU của Anh Quốc, kết quả của cuộc bầu cử Tổng thống tại Hoa Kỳ hay đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc chính thức được IMF đưa vào rổ tiền tệ quốc tế,... Những biến động này đã gây ra tác động tiêu cực đến sự tăng trưởng của các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015, không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nguyên nhân chủ yếu là do tổng cung suy giảm, tập trung vào nông nghiệp và khai khoáng. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn có những điểm sáng như: mặt bằng lãi suất ổn định, tỷ giá USD/VND được Ngân hàng Nhà Nước áp dụng theo một cơ chế tính tỷ giá mới, cho phép tỷ giá biến động linh hoạt hàng ngày theo diễn biến cung cầu ngoại tệ trong nước, biến động trên thị trường thế giới, nhưng vẫn đảm bảo vai trò quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo định hướng điều hành chính sách tiền tệ.

Rủi ro pháp luật

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, sau đó đó là cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021 đã bầu ra một Chính Phủ mới, với những cải cách về mặt chính sách nhằm mang lại một môi trường Phát luật rõ ràng, đơn giản hơn, hướng đến một nền kinh tế mở thực sự. Vì vậy, việc thay đổi chính sách gần như là tất yếu, đòi hỏi công ty phải luôn theo kịp, nắm bắt và thích nghi với những sự thay đổi này.

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro trên, công ty còn phải đối mặt với những rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh,... Công ty luôn chú trọng vào công tác phòng chống rủi ro, để phản ứng kịp thời và hạn chế thiệt hại khi những trường hợp rủi ro bất khả kháng này xảy ra.



Rủi ro đặc thù ngành

Đối với Công ty Cổ Phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp, rủi ro đặc thù ngành có thể tính đến là rủi ro từ việc vận chuyển nhiên liệu hóa lỏng và biến động giá của các nhiên liệu này.

Đối với ngành vận chuyển nội thủy tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong điều kiện cơ sở hạ tầng vẫn còn nhiều hạn chế như: hệ thống phao tiêu, biển báo hiệu chưa được lắp đặt hoàn chỉnh, hoạt động nạo vét luồng lạch còn hạn chế; âu thuyền chưa được xây dựng... Công ty luôn chú ý thực hiện nghiêm túc những quy định về An toàn giao thông đường thủy để tránh xảy ra tai nạn cho Đội tàu.

Bên cạnh đó, năm 2016, thị trường dầu mỏ thế giới đã có những đợt biến động về giá, tác động đến thị trường trong nước với việc ghi nhận hơn 20 lần điều chỉnh giá xăng dầu trong năm. Năm 2017 dự báo giá xăng dầu sẽ còn chịu sức ép từ tình hình thế giới trước việc Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ OPEC thỏa thuận cắt giảm sản lượng và thực tế xăng dầu tại Việt Nam đang chịu quá nhiều thuế, phí.

Lĩnh vực vận tải xăng dầu luôn tiềm ẩn những nguy cơ cháy nổ cao, gây thiệt hại lớn về tài sản và tính mạng, vì thế, công ty luôn cẩn trọng trong các hoạt động vận tải và lưu kho mặt hàng xăng dầu

Rủi ro môi trường

Năm 2016, thảm họa về môi trường biển do Formosa gây ra tại miền Trung nước ta và kéo theo đó là sự phẫn nộ và quay lưng của dư luận đối với công ty này. Đây là một ví dụ rất điển hình chứng minh cho sự quan trọng của chính sách kinh doanh đi cùng với trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp hiện nay.

Hoạt động vận tải, kinh doanh xăng dầu luôn tiềm ẩn các nguy cơ tác động đến môi trường xung quanh. Công ty luôn chú ý đến các quy định an toàn trong quá trình vận chuyển nhằm tránh xảy ra hiện tượng tràn dầu, gây ảnh hưởng đến môi trường biển. Trong công tác bảo quản, lưu trữ, công ty thường xuyên kiểm tra bồn chứa nhằm kịp thời xử lý rò rỉ xăng dầu, tránh gây ảnh hưởng đến chất lượng mạch nước ngầm.

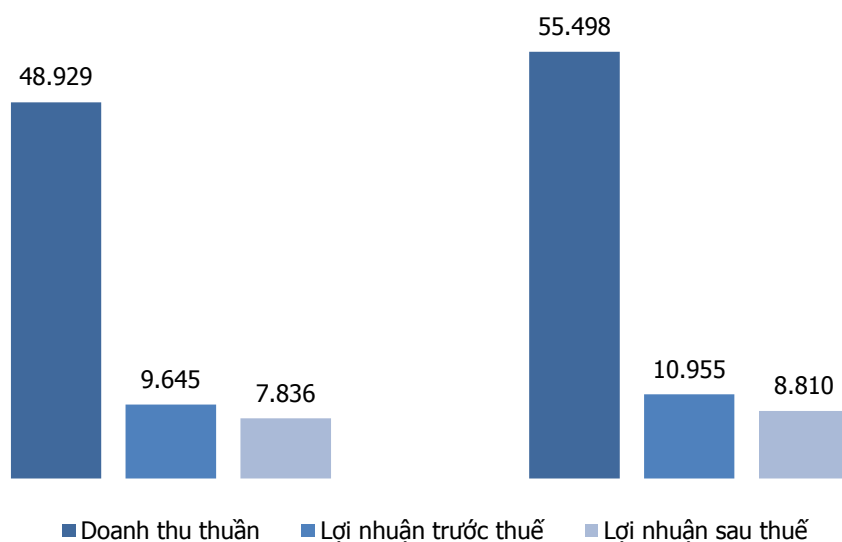
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
Tổ chức và nhân sự	15
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	19
Tình hình tài chính	21
Cơ cấu cổ đông	25
Báo cáo phát triển bền vững	27

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	KH 2016	TH 2016/ 2015	TH 2016/ KH 2016
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	48.929	55.498	48.000	111,43	115,62
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.643	10.955	9.000	113,61	121,72
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.836	8.810	7.500	112,43	117,47



Năm qua, doanh thu thuần của Công ty tăng 11,43% so với năm 2015, tăng từ 48,93 tỷ đồng năm 2015 lên đến 55,50 tỷ đồng năm 2016.

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng trong năm qua, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, chi phí bán hàng tăng từ 16,29 tỷ đồng lên 20,46 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng từ 8,95 tỷ đồng lên 10,55 tỷ đồng.

Ngoài ra, việc giá dầu điều chỉnh giảm trong năm 2016 làm giảm giá vốn hàng bán xuống còn 12,85 tỷ đồng, giảm 17,94% so với năm 2015, đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2016 tăng so với năm 2015, đạt 8,81 tỷ đồng, tăng 12,43%.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

**Ông Nguyễn Hoàng Quân – Giám đốc**

Năm sinh	1979
----------	------

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế
---------------------	-----------------

Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
------------------------------	-------

Số cổ phần nắm giữ cá nhân	12.231 cổ phần – tỷ lệ 0,28% vốn điều lệ
----------------------------	--

Đại diện sở hữu	445.791 cổ phần – tỷ lệ 10,2% (Đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp)
-----------------	---

Quá trình công tác	
--------------------	--

2001- 09/2004	Công tác tại Công ty thương mại dầu khí Đồng Tháp, nay là Công ty TNHH MTV thương mại dầu khí Đồng Tháp
---------------	---

10/2004 - nay	Công tác tại Công ty CP vận tải xăng dầu Đồng Tháp.
---------------	---

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ông Mai An Mỹ – Phó Giám đốc

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Đại học tài chính kế toán
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ cá nhân	Không
Đại diện sở hữu	98.010 cổ phần – tỷ lệ 2,24% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
1999 - 2005	Công tác tại Xí nghiệp II Chế biến lương thực – Công ty Thương Nghiệp XNK Tổng Hợp Đồng Tháp, chức vụ Phó Giám đốc.
2006 - 2008	Công tác tại Phòng Nhân sự hành chính – Công ty Cổ phần Docimexco, chức vụ Trưởng phòng.
2009 - 2010	Công tác tại Nhà máy Thức ăn thủy sản Domyfeed, chức vụ Phó Giám đốc.
2011-2012	Công tác tại Công ty Cổ phần Docitrans, chức vụ Giám đốc.
2013 đến nay	Công tác tại Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Đồng Tháp, chức vụ Phó Giám đốc

Bà Lê Thị Thanh – Kế toán trưởng

Năm sinh	1967
Trình độ chuyên môn	Đại học tài chính kế toán
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ cá nhân	3.646 cổ phần – tỷ lệ 0,08% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	Không
Quá trình công tác	
2012 đến nay	Công tác với chức vụ Kế toán trưởng CTCP Vận Tải Xăng dầu Đồng Tháp.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

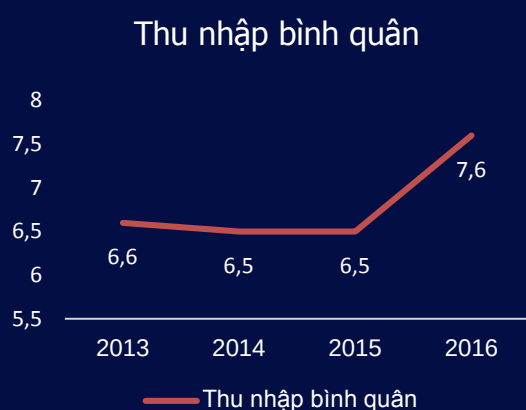
Trong năm qua, Công ty không có bất kỳ thay đổi nào.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	100	100
1	Trình độ đại học	10	10
2	Trình độ cao đẳng	6	6
3	Trình độ trung cấp	82	82
4	Trình độ khác	2	2
II	Theo loại hợp đồng lao động	100	100
1	Dài hạn	99	99
2	Thời vụ	1	1
III	Theo giới tính	100	100
1	Nam	94	94
2	Nữ	6	6

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	6.500.000	7.600.000



Chính sách nhân sự

Chính sách lương thưởng và trợ cấp

Hàng năm Công ty đều trả lương cho người lao động đúng hạn, không xảy ra tình trạng thiếu hụt, nợ lương. Lương của từng nhân viên được tính dựa theo chức danh, năng lực làm việc của từng cá nhân. Ngoài ra, Công ty còn xem xét nâng lương theo hệ số, qua việc đánh giá hiệu quả làm việc cũng như thành tích đóng góp của mỗi cá nhân theo định kỳ hàng năm.

Người lao động được bảo đảm mọi quyền lợi quy định trong Luật Lao động như: Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp...

Môi trường làm việc trong Công ty luôn được đảm bảo về chế độ an toàn, vệ sinh lao động, mỗi nhân viên luôn được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ. Trang thiết bị, dụng cụ luôn được cải tiến, đổi mới để cải thiện điều kiện làm việc. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ mỗi năm một lần. Nếu phát hiện người lao động mắc bệnh nghề nghiệp hoặc mãn tính do ảnh hưởng của nghề nghiệp, Công ty sẽ có trách nhiệm bố trí cho người lao động chữa trị.

Ngoài mức lương cơ bản, Công ty còn có chính sách khen thưởng nhằm tạo động lực trong công tác cho những cán bộ công nhân viên có thành tích cao trong công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh, các cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Ngoài việc thực hiện các chính sách lương thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo quy định pháp luật, DOP còn áp dụng các chế độ phúc lợi như: thưởng vào các ngày lễ lớn, tổ chức nghỉ mát hàng năm. Ngoài ra cán bộ nhân viên nữ được hỗ trợ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam và hỗ trợ thai sản.

Chính sách đào tạo

Công ty luôn có ý thức trong việc đào tạo nguồn năng lực sẵn có nhằm nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Nhiều hình thức đào tạo được áp dụng phù hợp với năng lực người lao động, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển kỹ năng như hình thức đào tạo chính quy, tại chỗ và tự đào tạo. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn cũng như dài hạn cho nhân viên, đào tạo cán bộ nòng cốt trở thành lực lượng quản lý, lãnh đạo phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn tập trung huấn luyện sĩ quan, thuyền viên có trình độ cao, chuyên môn sâu, kết hợp với bổ sung cán bộ có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm để đáp ứng nhu cầu phát triển và chỉ tiêu đề ra hàng năm của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



Các khoản đầu tư lớn

Thống nhất chi phí phát sinh hoàn cải tạo Đồng Tháp 12 là 4,013 tỷ đồng. Dự án này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm.

Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Khai Nguyên hoạt động sản xuất kinh doanh khá tốt, mức cổ tức trả theo đúng kế hoạch do Nghị quyết Hội đồng quản trị đề ra.

Đối với công ty Cổ phần Vận Tải Biển Mê Kông hoạt động vẫn diễn ra bình thường, kết quả sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch đề ra, nhưng vẫn chưa trả cổ tức, do lỗi lũy kế các năm trước còn để lại.

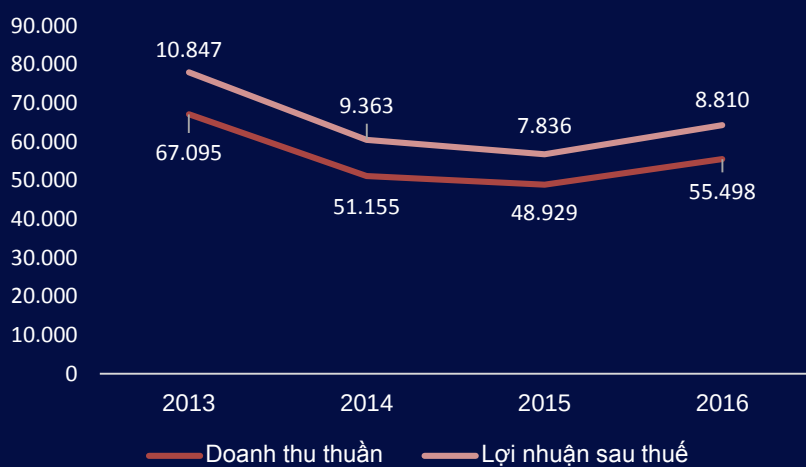
Công ty Cổ phần vận tải BMC kết quả hoạt động khá tốt, dự kiến mức cổ tức đạt kế hoạch đề ra.

Công ty Cổ phần du lịch Mỹ Trà hoạt động có hiệu quả, dự kiến sẽ trả cổ tức trong năm tài chính.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	70.977	74.118	4,43
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	48.929	55.498	13,43
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	9.475	11.794	24,47
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	168	52	-69,05
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.643	10.955	13,61
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.836	8.810	12,43
7	Tỷ trả cổ tức/ vốn điều lệ	%	12	12	-



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,88	2,68
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,87	2,64
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	9,85	10,84
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	10,93	12,16
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	90,20	92,45
-	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,70	0,76
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	16,01	15,87
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	14,58	13,55
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	13,68	12,14
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	19,36	21,25





Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán nhanh và ngắn hạn của Công ty đều tăng trong năm 2016. Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,87 lần đến 2,64 lần, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,88 lần đến 2,68 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do việc gia tăng trong khoản mục các khoản tương đương tiền (9,01 tỷ đồng). Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp có lãi suất từ 4,4% đến 4,9%/năm.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Công ty sử dụng phần lớn vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn của mình, từ đó làm giảm khả năng rủi ro tài chính trong quá trình hoạt động. Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ và có xu hướng tăng trong năm 2016, từ 5,39 tỷ đồng lên 6,72 tỷ đồng. Điều này làm cho hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 9,85% lên 10,84%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

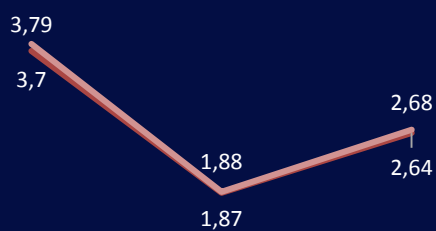
Hệ số doanh thu thuần/ tổng tài sản tăng từ 0,70 lên 0,76 lần cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu của Công ty đang có những tín hiệu tích cực. Hoạt động trong lĩnh vực vận tải xăng dầu nên hàng tồn kho của Công ty thường có giá trị không cao do chủ yếu là nhiên liệu dự trữ để sử dụng, điều này làm cho chỉ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty thường cao 90,20 vòng năm 2015 và 92,45 vòng năm 2016.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần tăng từ 19,36% năm 2015 lên 21,25% năm 2016, điều này cho thấy hiệu quả trong việc quản lý chi phí trong năm qua của Công ty khá tốt. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần năm 2016 đạt 15,87%, thấp hơn mức 16,01% trong năm 2015. Nguyên nhân là do khoản lỗ 890,70 triệu đồng từ việc thanh lý tài sản cố định trong năm của Công ty.

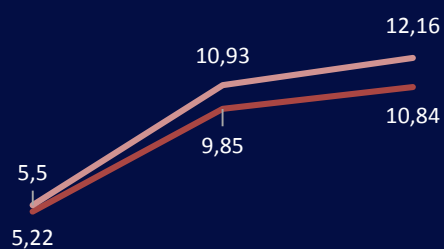


Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



— Hệ số thanh toán nhanh
— Hệ số thanh toán ngắn hạn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



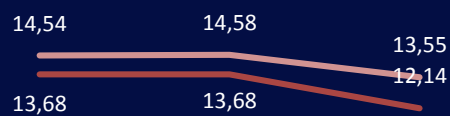
— Hệ số nợ/tổng tài sản
— Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



— Vòng quay hàng tồn kho
— Doanh thu thuần/tổng tài sản

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



— ROA — ROE

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Số cổ phiếu đã phát hành: 4.370.510 cổ phiếu

Số cổ phiếu phổ thông: 4.370.510 cổ phiếu

Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 4.241.664 cổ phiếu

Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 128.846 cổ phiếu

Danh mục	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp	4.370.510	43.705.100	100,00
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	2.228.956	22.289.560	51,00
Công ty TNHH MTV Thương Mại Vận Tải Thành Lực	235.000	2.350.000	5,38
Cổ đông khác	1.906.554	19.065.540	43,62



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2015

STT	Loại cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	290	4.370.510	43.705.100	100,00
	Cổ đông tổ chức	5	2.622.631	26.226.310	60,01
	Cổ đông cá nhân	285	1.747.879	17.478.790	39,99
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	290	4.370.510	43.705.100	100,00

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2016 Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

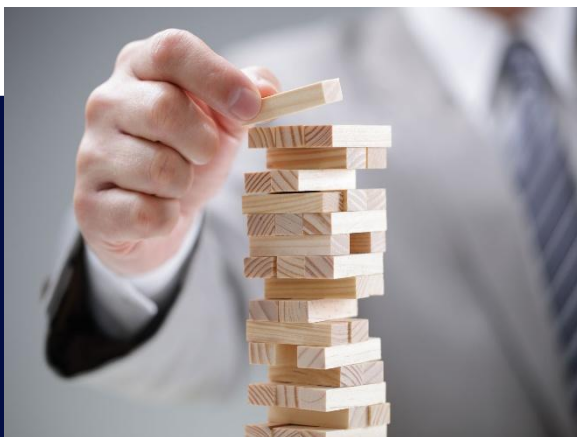
Không có

Chứng khoán khác

Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải, các nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là các vật tư, thiết bị phục vụ cho sửa chữa các phương tiện như xà lang, tàu, thuyền... Công ty cũng có kế hoạch xử lý, thu hồi phế liệu theo quy trình cấp phát vật tư trong trường hợp các thiết bị máy móc bị hỏng hóc, không sử dụng được, đảm bảo nâng cao công tác quản lý và sử dụng hiệu quả.

Đặc thù mặt hàng vận chuyển của Công ty là dầu, nhớt, khí hóa lỏng nên Công ty luôn chú trọng đến công tác quản lý nguồn nhiên liệu này, tránh gây rò rỉ khi đang vận chuyển, gây ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong Công ty.



Đối với người lao động

Hiện nay, mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên trong Công ty là 7.600.000 đồng. Ngoài việc cung cấp đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... Công ty còn tổ chức tặng quà, hỗ trợ tiền mặt cho nhân viên vào các dịp Lễ, Tết.

Thường thêm cho cá nhân có thành tích nổi trội, có sáng kiến trong quá trình tham gia hoạt động kinh doanh. Khuyến khích nhân viên đưa ra những ý tưởng mới, góp phần vào quá trình phát triển bền vững của Công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty nghiêm túc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2016, Công ty không vi phạm luật pháp và các quy định về môi trường.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Nhiều năm qua, DOP xác định các công việc liên quan đến trách nhiệm cộng đồng là hoạt động không thể thiếu trên con đường phát triển kinh doanh của mình. Cụ thể nhất là Công ty đã xác định mục tiêu của các hoạt động là hướng đến cộng đồng chung, và trong phạm vi gần nhất là địa phương nơi Công ty sản xuất kinh doanh.

Công ty luôn kêu gọi, khuyến khích nhân viên phối hợp thực hiện các hoạt động tình nguyện, giúp đỡ những cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, luôn tích cực trong cộng tác san sẻ một phần lợi nhuận của mình để giúp đỡ những nạn nhân bão lụt miền Trung.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Không có



Chi phí tiêu thụ nhiên liệu

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sử dụng điện, xăng, dầu nhớt... cung cấp năng lượng cho phương tiện thiết bị. Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp tiết kiệm nhiên liệu một mặt cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mặt khác góp phần bảo vệ môi trường. Cụ thể: Công ty lựa chọn mua các phương tiện thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu; xây dựng và thực hiện triệt để quy trình khai thác tiết kiệm nhiên liệu; thường xuyên đánh giá và tổ chức định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng loại phương tiện thiết bị phù hợp từng điều kiện hoạt động khai thác



Chi phí tiêu thụ nước

Khối lượng nước công ty mua một phần để cung cấp nước ngọt cho nhân viên trên tàu, nhân viên văn phòng, một phần sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Để hạn chế tác động của nước thải phát sinh từ hoạt động của công ty đến môi trường, Công ty đã đưa ra các biện pháp cũng như phương án đề phòng ô nhiễm như sau: Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nước, định kỳ kiểm tra các thông số ô nhiễm trong nước thải tại cuối cống thải để theo dõi và có biện pháp phòng chống, xử lý kịp thời.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	31
Tình hình tài chính	33
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	35
Kế hoạch phát triển trong tương lai	37
Báo cáo phát triển bền vững	41

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	KH 2016	TH2016/2015	TH2016/KH2016
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	48.929	55.498	48.000	113,43%	115,62%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.643	10.955	9.000	113,61%	121,72%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016	KH 2016	TH/KH (%)
1	Dịch vụ VC xăng dầu trong nước	Triệu đồng	28.380	28.000	101,36%
2	Dịch vụ VC xăng dầu tái xuất	Triệu đồng	27.118	18.000	150,66%
3	Dịch vụ khác	Triệu đồng	-	2.000	-
Tổng cộng		Triệu đồng	55.498	48.000	115,62%

Vận chuyển xăng dầu trong nước đạt 101,36% so với kế hoạch đề ra, bằng 90,96% so với năm 2015. Trong đó khối lượng vận chuyển hàng hóa giảm 5%, giá trị giảm 9%. Nguyên nhân là giá cước vận chuyển giảm, kho trung chuyển bị gián đoạn trong quá trình khai thác, giá xăng dầu biến động phức tạp dẫn đến đơn hàng vận chuyển nhỏ làm cho đội tàu lớn không tận dụng hết được năng lực vận chuyển.

Vận chuyển hàng tái xuất: doanh thu đạt 150,66% so với kế hoạch đề ra, tăng 52,25% so với năm 2015. Trong đó khối lượng vận chuyển tăng 55%, giá trị tăng 54% so với kế hoạch.

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2016

Thuận lợi

Qua nhiều năm hoạt động, các hoạt động kinh doanh của Công ty dần được sự tín nhiệm của khách hàng. Với mức giá hợp lý và chất lượng cung cấp dịch vụ, sản phẩm ổn định, Công ty dần khẳng định vị thế của mình trong ngành cũng như chỗ đứng ở địa bàn từ miền Đông đến miền Tây Nam bộ và cả Campuchia. Đa dạng hóa các nguồn hàng, khai thác thêm khách hàng mới.

Công ty sở hữu đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, luôn có ý thức, trách nhiệm trong mọi nhiệm vụ được giao, hoàn thành công việc một cách hiệu quả và nhanh chóng nhất.

Khó khăn

Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành vận tải ngày càng gay gắt. Số lượng đội tàu của từng Công ty khá dồi dào, tuy nhiên nhu cầu về dịch vụ vận chuyển ngày càng thấp, dẫn đến cạnh tranh về giá cước, thời gian tàu đậu nhiều.

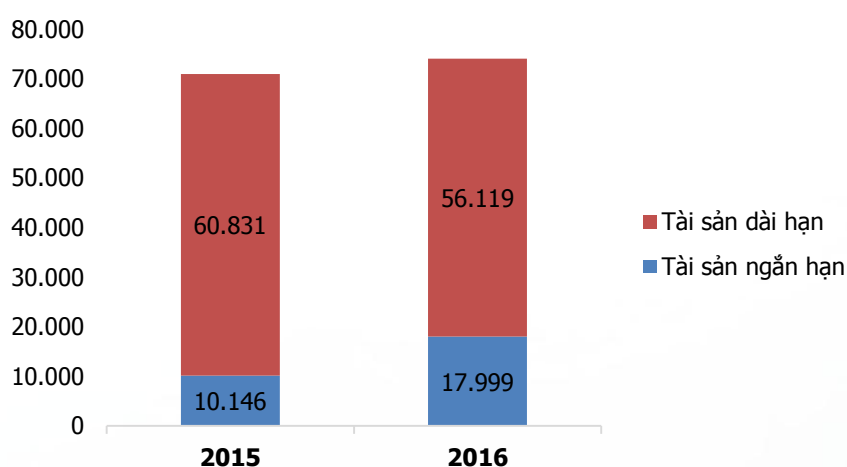
Những thay đổi, điều chỉnh của nhà nước về một số tiêu chuẩn kỹ thuật ngành gây ảnh hưởng đến thời gian khai thác của phương tiện.

Các chủ hàng thay đổi chiến lược trong hoạt động thương mại, hạn chế hàng qua kho trung gian, tập trung giao nhận hàng tại các kho đầu mối, đẩy mạnh việc giao hàng bằng phương thức đường bộ... Đa số đều có xu hướng lựa chọn các phương thức vận tải giá rẻ nhưng chất lượng dịch vụ tương đương.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	10.146	17.999	77,40
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	60.831	56.119	-7,75
Tổng tài sản	Triệu đồng	70.977	74.118	4,43

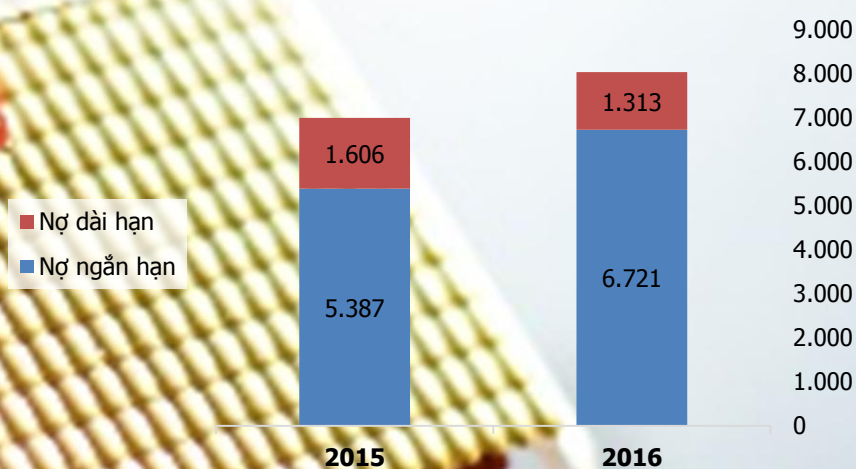


Tổng tài sản năm 2016 tăng 4,43% so với năm 2015, từ 70,98 tỷ đồng lên 74,12 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn tăng gần 8 tỷ đồng là nguyên nhân chủ yếu làm cho tổng tài sản của Công ty tăng trong năm 2016.

Việc tăng trong tài sản ngắn hạn đến từ khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng từ 2,42 tỷ đồng lên gần 13 tỷ đồng. Ngoài ra các khoản mục khác như hàng tồn kho, tài sản ngắn hạn khác đều góp phần vào việc gia tăng tài sản ngắn hạn của Công ty.

Tài sản dài hạn của Công ty giảm chủ yếu là do tài sản cố định giảm qua các năm tương ứng với giá trị tài khoản khấu hao tài sản cố định. Tài sản dài hạn giảm từ 60,83 tỷ đồng xuống còn 56,12 tỷ đồng, giảm 7,75%.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	5.387	6.721	24,76
Nợ dài hạn	Triệu đồng	1.606	1.313	-18,24
Tổng cộng	Triệu đồng	6.993	8.034	14,89



Nợ phải trả của Công ty chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu vốn, chủ yếu là nợ ngắn hạn nên rủi ro kiệt quệ tài chính của công ty là rất thấp.

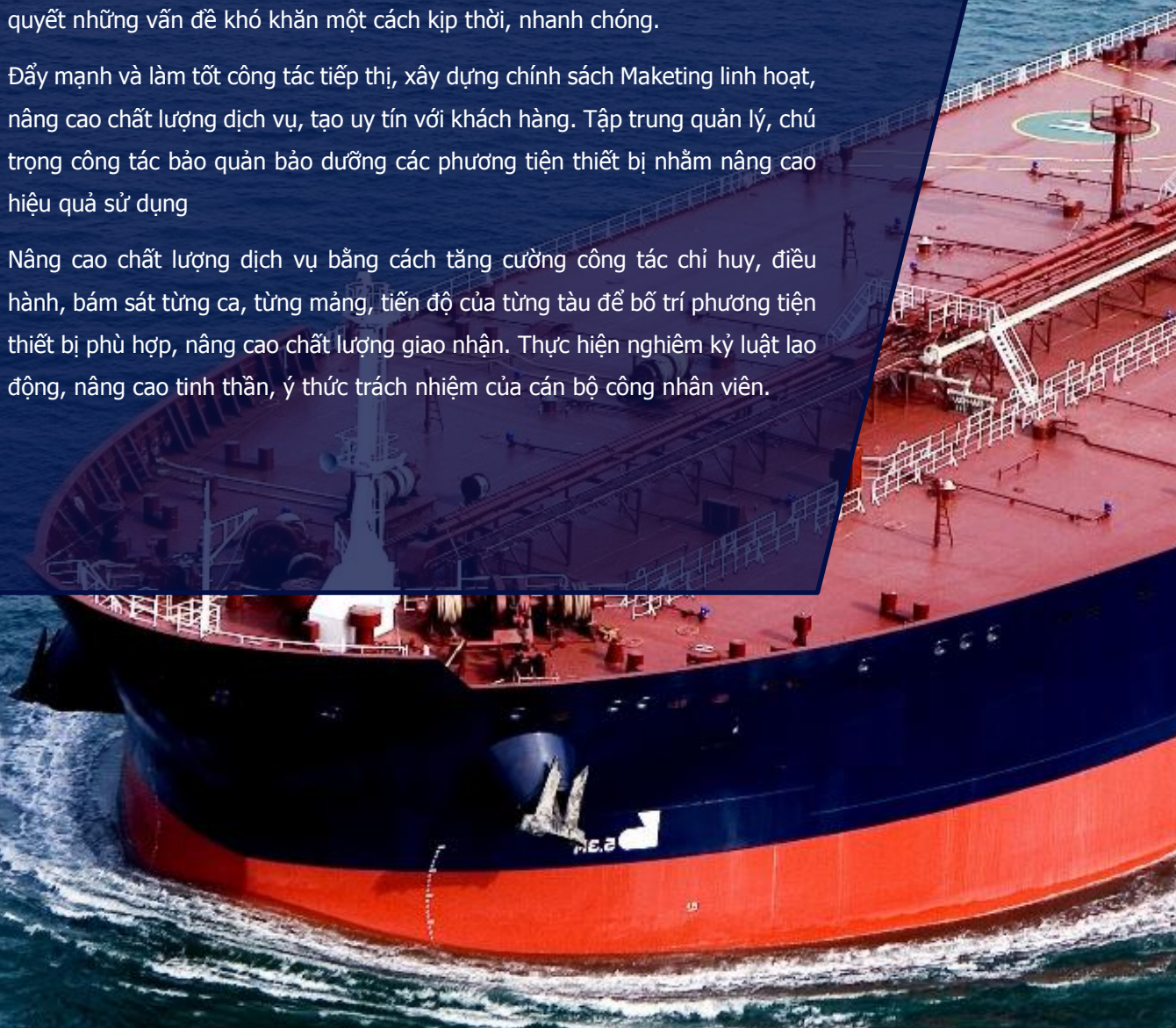
Các khoản nợ của Công ty tăng do sự gia tăng của các khoản nợ ngắn hạn như vay nợ và thuê tài chính ngắn hạn, thuế và các khoản phải trả cho nhà nước, phải trả người lao động... Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước là khoản mục tăng nhiều nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn, tăng từ 728,58 triệu đồng lên 2,18 tỷ đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý. Đưa ra những giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề khó khăn một cách kịp thời, nhanh chóng.

Đẩy mạnh và làm tốt công tác tiếp thị, xây dựng chính sách Marketing linh hoạt, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo uy tín với khách hàng. Tập trung quản lý, chú trọng công tác bảo quản bảo dưỡng các phương tiện thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng

Nâng cao chất lượng dịch vụ bằng cách tăng cường công tác chỉ huy, điều hành, bám sát từng ca, từng mảng, tiến độ của từng tàu để bố trí phương tiện thiết bị phù hợp, nâng cao chất lượng giao nhận. Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, nâng cao tinh thần, ý thức trách nhiệm của cán bộ công nhân viên.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2017
1	Dịch vụ VC xăng dầu trong nước	Triệu đồng	28.000
2	Dịch vụ VC xăng dầu tái xuất	Triệu đồng	24.000
Tổng cộng		Triệu đồng	52.000

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG THỜI GIAN TỐT

Thuận lợi

Sau nhiều năm hoạt động, Công ty dần xây dựng được sự tin nhiệm của chủ hàng về chất lượng lẫn thái độ phục vụ, lượng khách hàng trung thành ngày càng ổn định và gia tăng. Phát sinh nhu cầu vận chuyển hàng lỏng khác ngoài xăng dầu.

Công ty đã sở hữu đội ngũ thuyền viên có trình độ chuyên môn cao, chất lượng ổn định, qua việc tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên. Qua đó, tạo thuận lợi cho nhân viên làm việc và đóng góp các sáng kiến, mang lại lợi ích cho Công ty.

Khó khăn

Thị trường vận tải biển đã có những dấu hiệu khả quan vào cuối năm 2016, tuy nhiên tình hình thị trường năm 2017 vẫn gặp không ít khó khăn. Nhu cầu vận chuyển trong hệ thống kho Petimex không tăng. Ảnh hưởng của yếu tố giá xăng dầu thế giới biến động bất thường nên nhu cầu vận chuyển không đều, và khối lượng vận chuyển cho từng chuyến hàng không lớn.



CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH ĐỀ RA

Đối với hoạt động kinh doanh:

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức của đội ngũ thuyền viên, hạn chế tối đa tai nạn giao thông, bảo quản tốt máy móc, hạn chế sửa chữa nhằm tiết kiệm chi phí.

Chủ động phối hợp với phía chủ hàng có kế hoạch vận chuyển hàng hợp lý nhằm tăng cường quảng đường có hàng cho phương tiện.

Đối với vận chuyển hàng tái xuất: củng cố mối quan hệ với đối tác truyền thống.

Xúc tiến tìm kiếm thêm nguồn hàng vận chuyển mới, cả trong vận chuyển nội địa và vận chuyển hàng tái xuất.

Đối với hoạt động thanh lý tàu cũ, đầu tư:

Tiếp tục xin ý kiến chào bán các tàu khai thác không hiệu quả, các tàu chuẩn bị hết niên hạn khai thác.

Công tác an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ

Tiếp tục phát động, triển khai các phong trào thi đua cho các tàu thông qua các tổ chức đoàn, hội, lồng ghép vào công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã thực hiện những chính sách nhằm giảm thiểu tối đa lượng chất thải trong quá trình vận hành đội tàu. Trong quá trình hoạt động, luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường, hạn chế gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân vùng lân cận. Tổ chức, huấn luyện cán bộ công nhân viên xử lý kịp thời các tình huống nguy hiểm xảy ra, tránh gây rò rỉ dầu, xăng, nhớt trong quá trình vận chuyển, làm ô nhiễm nguồn nước cũng như bảo vệ sức khỏe của người lao động.



Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động

Cán bộ nhân viên trong công ty luôn được trả lương đúng hạn, không xảy ra tình trạng thiếu hay nợ lương. Ngoài thực hiện những chính sách của Luật lao động, Công ty còn tổ chức các hoạt động tập thể, nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các nhân viên trong Công ty. Khen thưởng những cá nhân, tập thể có ý tưởng, sáng kiến trong quá trình hoạt động, nâng cao hiệu suất làm việc, đặc biệt khuyến khích người lao động gắn bó với sự phát triển bền vững của Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ngoài các hoạt động kinh doanh, DOP đã tham gia tích cực các hoạt động mà địa phương đề ra. Góp một phần lợi nhuận của mình vào công cuộc nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, luôn đi đầu trong các hoạt động như: đóng góp giúp đỡ bà con lũ lụt miền Trung, xây dựng nhà tình thương cho người già neo đơn, bà mẹ Việt Nam anh hùng, các công trình công ích nhằm phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt của người dân địa phương.



Về các mặt hoạt động của Công ty	43
Về hoạt động của Ban Giám đốc	44
Các kế hoạch, định hướng	45

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



INVE



VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành việc thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đem lại ích cho cổ đông. Mặc dù đối mặt với tình trạng cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong ngành, Công ty vẫn xây dựng được hình ảnh, quảng bá thương hiệu tốt, được sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống, tạo được sự tin tưởng đối với các chủ hàng, nhằm nâng cao sự tin nhiệm trong việc lựa chọn vận chuyển hàng hóa. Công ty thường xuyên tạo được mối qua hệ tốt với ban ngành, cơ quan chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình vận chuyển hàng hóa một cách hiệu quả và nhanh chóng.

Kết quả cho thấy lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 8,81 tỷ đồng. Công tác tài chính, kế toán và nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước cũng được Công ty thực hiện tốt.

STATEMENT

VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc với trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý các hoạt động của Công ty, nên đã có những chính sách xử lý kịp thời các vấn đề khó khăn, cũng như các kế hoạch phát triển phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện những chiến lược mà Hội đồng quản trị đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành Công ty, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Các thông tin của Công ty luôn công khai minh bạch, ủy quyền cho cán bộ chuyên trách phối hợp cùng đơn vị tư vấn thực hiện một cách kịp thời, chính xác. Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của Công ty cho Hội đồng quản trị theo định kỳ và bất cứ khi nào cần thiết.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Qua kết quả sản xuất kinh doanh nhiều năm của Công ty, Hội đồng quản trị xác định chiến lược sản xuất kinh doanh là phát triển hoạt động cung ứng dịch vụ vận chuyển. Vì vậy Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo, giám sát hoạt động đầu tư.

Bàn bạc trực tiếp với Ban Giám đốc về cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị, nâng cao trình độ quản lý. Tìm kiếm và chỉ đạo các phương án mở rộng hoạt động kinh doanh, đưa ra các nhận định, kế hoạch cho năm 2017 nhằm giúp Công ty phát triển bền vững, nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành.



An aerial photograph of a large red and blue oil tanker ship sailing on a deep blue ocean. The ship's deck is visible, showing various structures, pipes, and a helipad. The ship is moving from the top right towards the bottom left, leaving a white wake.

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2017, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

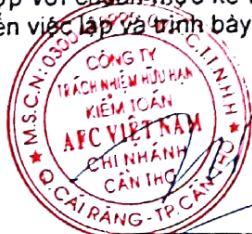
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2017

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2014-009-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

					Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016		
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.998.845.881	10.145.598.885		
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.995.345.931	2.422.840.953		
Tiền	111		3.983.220.685	2.422.840.953		
Các khoản tương đương tiền	112		9.012.125.246	-		
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-		
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-		
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-		
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.648.926.070	7.669.383.985		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.777.053.061	4.187.063.205		
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	54.450.000	2.432.340.000		
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-		
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-		
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-		
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.127.263.209	1.049.980.780		
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(309.840.200)	-		
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-		
Hàng tồn kho	140		224.563.443	53.373.947		
Hàng tồn kho	141	5.6	224.563.443	53.373.947		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-		
Tài sản ngắn hạn khác	150		130.010.437	-		
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	130.010.437	-		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-		
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-		
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-		
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

					Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016		
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.118.778.362	60.831.398.946		
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-		
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-		
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-		
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-		
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-		
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-		
Phải thu dài hạn khác	216		-	-		
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-		
Tài sản cố định	220		43.846.017.625	49.406.892.426		
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	43.480.017.625	49.040.892.426		
Nguyên giá	222		76.345.183.979	80.710.457.225		
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.865.166.354)	(31.669.564.799)		
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-		
Nguyên giá	225		-	-		
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-		
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	366.000.000	366.000.000		
Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000		
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-		
Bất động sản đầu tư	230		-	-		
Nguyên giá	231		-	-		
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-		
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	181.291.000		
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	181.291.000		
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	9.552.975.886	9.552.975.886		
Đầu tư vào công ty con	251		-	-		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.805.976.460	15.805.976.460		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.253.000.574)	(6.253.000.574)		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-		
Tài sản dài hạn khác	260		2.719.784.851	1.690.239.634		
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.719.784.851	1.690.239.634		
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-		
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-		
Tài sản dài hạn khác	268		-	-		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74.117.624.243	70.976.997.831		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
NỢ PHẢI TRẢ	300		8.033.982.301	6.993.307.135
Nợ ngắn hạn	310		6.720.590.381	5.387.307.135
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	640.980.572	622.756.078
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	522.732.782	602.997.830
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.181.909.136	728.576.045
Phải trả người lao động	314		1.565.817.171	1.238.834.559
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	106.712.444	211.831.659
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	-	49.914.365
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	1.315.920.000	1.730.006.550
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	386.518.276	202.390.049
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		1.313.391.920	1.606.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	1.313.391.920	1.606.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.083.641.942	63.983.690.696
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	66.083.641.942	63.983.690.696
Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.392.963.285	10.609.374.058
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		735.528.390	735.528.390
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.245.638.267	8.929.276.248
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			-	-
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.723.485.794	1.466.883.977
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.522.152.473	7.462.392.271
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74.117.624.243	70.976.997.831

Cal

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	55.498.184.820	48.929.162.598
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55.498.184.820	48.929.162.598
Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.850.070.046	15.657.370.061
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.648.114.774	33.271.792.537
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	516.933.411	1.490.438.805
Chi phí tài chính	22	6.4	369.875.848	52.181.931
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	20.455.308.409	16.288.907.684
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	10.545.546.452	8.946.541.231
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.794.317.476	9.474.600.496
Thu nhập khác	31	6.7	51.752.400	167.975.264
Chi phí khác	32		890.698.985	-
Lợi nhuận khác	40		(838.946.585)	167.975.264
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.955.370.891	9.642.575.760
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	2.145.718.418	1.806.683.489
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.809.652.473	7.835.892.271
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.016	1.614

Cat

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		10.955.370.891	9.642.575.760
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.500.700.915	5.116.314.470
Các khoản dự phòng	03		309.840.200	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(30.018.580)	(15.879.085)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		416.040.062	(1.444.087.014)
Chi phí lãi vay	06		322.585.607	48.585.299
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		17.474.519.095	13.347.509.430
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.710.617.715	(132.233.147)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(171.189.496)	240.438.915
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(61.863.368)	(2.083.612.474)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.159.555.654)	145.950.344
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(322.585.607)	(48.585.299)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(520.613.481)	(1.171.532.097)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.280.961.000)	(1.050.394.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.668.368.204	9.247.541.672
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.012.870.463)	(11.184.082.771)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.363.636.364	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		474.658.923	1.444.087.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(174.575.176)	(9.739.995.757)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TÊ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.430.150.740	6.569.025.380
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.136.845.370)	(3.233.018.830)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.244.612.000)	(6.118.714.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.951.306.630)	(2.782.707.450)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.542.486.398	(3.275.161.535)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.422.840.953	5.682.123.403
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		30.018.580	15.879.085
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		12.995.345.931	2.422.840.953

Cual

LÊ THI THANH

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám Đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tổng số nhân viên của Công ty là 100 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 100 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 14 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.14 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	Công ty mẹ
Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	37.373.930	4.127.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	2.456.883.721	1.718.855.674
- USD	1.488.963.034	699.857.484
Các khoản tương đương tiền (*)	9.012.125.246	-
	12.995.345.931	2.422.840.953

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Gốc ngoại tệ	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	-	-
- USD	65.544,87	1.488.963.034

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam – CN Đồng Tháp có lãi suất từ 4,4% đến 4,9%/ năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Thi	2.675.870.405	3.439.424.154
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Thary (Campuchia)	-	190.576.445
Công ty TNHH TM XNK Xăng Dầu	625.410.825	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	133.363.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ông Nguyễn Công Minh	98.223.200	98.223.200
Phải thu các khách hàng khác	244.185.631	325.476.406
	3.777.053.061	4.187.063.205

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán khác		
Doanh nghiệp Tư Nhân Tư Lai	-	2.200.000.000
Cơ sở Sản xuất và Sửa chữa Lê Duy Tân	29.450.000	-
Đặng Hồng Đức	20.000.000	-
Cơ Sở sửa máy Tủ Tuần	-	210.000.000
Phải trả cho người bán khác	5.000.000	22.340.000
	54.450.000	2.432.340.000

5.4 Phải thu ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	1.050.046.312	-	842.339.463	-
Phải thu tiền bồi thường	77.216.897	-	207.641.317	-
	1.127.263.209	-	1.049.980.780	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn của các cá nhân khác				
Nợ quá hạn trên 3 năm				
Ông Huỳnh Thanh Phương	23.860.000	-	-	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	-	-	-
Ông Nguyễn Công Minh	98.223.200	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Lon	54.394.000	-	-	-
	309.840.200	-	-	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(309.840.200)	-	(309.840.200)
Tại ngày 31/12/2016	(309.840.200)	-	(309.840.200)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	224.563.443	-	53.373.947	-
	224.563.443	-	53.373.947	-

5.7 Chi phí trước ngắn hạn, dài hạn**Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa	130.010.437	-
	130.010.437	-

Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tàu	2.719.784.851	1.690.239.634
	2.719.784.851	1.690.239.634

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	2.215.883.025	78.494.574.200	80.710.457.225
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.194.161.463	4.194.161.463
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.559.434.709)	(8.559.434.709)
Tại ngày 31/12/2016	2.215.883.025	74.129.300.954	76.345.183.979
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	644.414.554	31.025.150.245	31.669.564.799
Khấu hao trong năm	158.277.360	5.342.423.555	5.500.700.915
Giảm do thanh lý	-	(4.305.099.360)	(4.305.099.360)
Tại ngày 31/12/2016	802.691.914	32.062.474.440	32.865.166.354
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	1.571.468.471	47.469.423.955	49.040.892.426
Tại ngày 31/12/2016	1.413.191.111	42.066.826.514	43.480.017.625

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình theo sổ sách là 12.653.197.662 VND đã được thế chấp, cầm cố cho các khoản vay của Ngân hàng.

5.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị quyền sử dụng đất được cầm cố bảo đảm các khoản vay tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Hoàn cải tàu Đồng Tháp 12	181.291.000	4.012.870.463	(4.194.161.463)	-
	181.291.000	4.012.870.463	(4.194.161.463)	-

5.11 Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	7.046.000.000	(*)	(6.253.000.574)	7.046.000.000	(*)	(6.253.000.574)
Công ty CP BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	(*)	-	2.626.576.460	(*)	-
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	300.000.000	(*)	-	300.000.000	(*)	-
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên	5.833.400.000	(*)	-	5.833.400.000	(*)	-
	15.805.976.460	(*)	(6.253.000.574)	15.805.976.460	(*)	(6.253.000.574)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	2016	2016
	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	(6.253.000.574)	(6.253.000.574)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Tại ngày 31/12/2016	(6.253.000.574)	(6.253.000.574)

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty CP Nhiên Liệu Đồng	165.209.550	209.821.870
Công ty TNHH Thương Mại Gia Luân	84.337.000	-
XI Nghiệp Sơn Hải Âu	-	208.811.708
Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	347.975.222	133.458.000
Các nhà cung cấp khác	43.458.800	70.664.500
	640.980.572	622.756.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Xăng Dầu	-	580.815.600
Kho BVM Kampuchia	378.991.740	-
Các công nợ khác	143.741.042	22.182.230
	<u>522.732.782</u>	<u>602.997.830</u>

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016 Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm		31/12/2016 Phải nộp VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	207.962.564	1.220.177.906	(1.391.949.752)	36.190.718
Thuế thu nhập doanh nghiệp	520.613.481	2.145.718.418	(520.613.481)	2.145.718.418
Các loại thuế khác	-	134.311.824	(134.311.824)	-
	<u>728.576.045</u>	<u>3.500.208.148</u>	<u>(2.046.875.057)</u>	<u>2.181.909.136</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo từng lĩnh vực theo quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2016 VND	2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.955.370.891	9.642.575.760
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(226.778.800)	(1.430.378.085)
- Các khoản điều chỉnh tăng	80.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(306.778.800)	(1.430.378.085)
Thu nhập tính thuế	10.728.592.091	8.212.197.675
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>2.145.718.418</u>	<u>1.806.683.489</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng là 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trích trước chi phí đi Campuchia	106.712.444	211.831.659
	106.712.444	211.831.659

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	49.914.365
	-	49.914.365
Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.		

5.17 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.17.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp (*)	-	-	926.006.550	926.006.550
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.16.2)	1.315.920.000	1.315.920.000	804.000.000	804.000.000
	1.315.920.000	1.315.920.000	1.730.006.550	1.730.006.550

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2016 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2016 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	926.006.550	937.578.820	-	(1.863.585.370)	-
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	804.000.000	-	1.315.920.000	(804.000.000)	1.315.920.000
	1.730.006.550	937.578.820	1.315.920.000	(2.667.585.370)	1.315.920.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.17.2 Vay dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp (*)	2.629.311.920	2.629.311.920	2.410.000.000	2.410.000.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	(1.315.920.000)	(1.315.920.000)	(804.000.000)	(804.000.000)
	<u>1.313.391.920</u>	<u>1.313.391.920</u>	<u>1.606.000.000</u>	<u>1.606.000.000</u>

(*) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam – CN Đồng Tháp theo hợp đồng tín số: số 34890.15.710.253842.TD được ký kết ngày 03 tháng 12 năm 2015.

Chi tiết như sau:

Mục đích : Thanh toán chi phí hoàn cải tạo cầu Đồng Tháp 12 - ĐT 22059
 Thời hạn vay : 36 tháng
 Lãi suất vay : kỳ tính lãi đầu tiên là 9% sau đó có điều chỉnh lãi suất
 Hình thức đảm bảo : Thế chấp các tài sản sau:
 - Tàu SAVIMEX 09: giá trị còn lại tại 31/12/2016 là 12.653.197.662 VND
 - Thửa đất số 268, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng công ty.
 - Thửa đất số 291, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng Công ty

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016			
Vay dài hạn ngân hàng	2.629.311.920	1.315.920.000	1.313.391.920
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	-	-	-
	<u>2.629.311.920</u>	<u>1.315.920.000</u>	<u>1.313.391.920</u>
Tại ngày 01/01/2016			
Vay dài hạn ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	2.410.000.000	804.000.000	1.606.000.000
	<u>2.410.000.000</u>	<u>804.000.000</u>	<u>1.606.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2016	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	1.606.000.000	1.492.571.920	(469.260.000)	(1.315.920.000)	1.313.391.920
	<u>1.606.000.000</u>	<u>1.492.571.920</u>	<u>(469.260.000)</u>	<u>(1.315.920.000)</u>	<u>1.313.391.920</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2016 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng	86.522.681	470.153.536	(514.796.000)	41.880.217
Quỹ phúc lợi	115.867.368	313.435.691	(84.665.000)	344.638.059
	202.390.049	783.589.227	(599.461.000)	386.518.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.19.2 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước						
Tại ngày 01/01/2015	43.705.100.000	4.412.000	9.673.110.870	735.528.390	9.458.124.353	63.576.275.613
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.835.892.271	7.835.892.271
Trích lập các quỹ	-	-	936.263.188	-	(936.263.188)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(936.263.188)	(936.263.188)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(184.500.000)	(184.500.000)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(189.000.000)	(189.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(6.118.714.000)	(6.118.714.000)
Tại ngày 31/12/2015	43.705.100.000	4.412.000	10.609.374.058	735.528.390	8.929.276.248	63.983.690.696
Năm nay						
Tại ngày 01/01/2016	43.705.100.000	4.412.000	10.609.374.058	735.528.390	8.929.276.248	63.983.690.696
Lãi trong năm	-	-	-	-	8.809.652.473	8.809.652.473
Trích lập các quỹ	-	-	783.589.227	-	(783.589.227)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(783.589.227)	(783.589.227)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 (*)	-	-	-	-	(287.500.000)	(287.500.000)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(394.000.000)	(394.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(5.244.612.000)	(5.244.612.000)
Tại ngày 31/12/2016	43.705.100.000	4.412.000	11.392.963.285	735.528.390	10.245.638.267	66.083.641.942

(*) Công ty tạm chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.19.2 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước						
Tại ngày 01/01/2015	43.705.100.000	4.412.000	9.673.110.870	735.528.390	9.458.124.353	63.576.275.613
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.835.892.271	7.835.892.271
Trích lập các quỹ	-	-	936.263.188	-	(936.263.188)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(936.263.188)	(936.263.188)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(184.500.000)	(184.500.000)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(189.000.000)	(189.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(6.118.714.000)	(6.118.714.000)
Tại ngày 31/12/2015	43.705.100.000	4.412.000	10.609.374.058	735.528.390	8.929.276.248	63.983.690.696
Năm nay						
Tại ngày 01/01/2016	43.705.100.000	4.412.000	10.609.374.058	735.528.390	8.929.276.248	63.983.690.696
Lãi trong năm	-	-	-	-	8.809.652.473	8.809.652.473
Trích lập các quỹ	-	-	783.589.227	-	(783.589.227)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(783.589.227)	(783.589.227)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 (*)	-	-	-	-	(287.500.000)	(287.500.000)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(394.000.000)	(394.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(5.244.612.000)	(5.244.612.000)
Tại ngày 31/12/2016	43.705.100.000	4.412.000	11.392.963.285	735.528.390	10.245.638.267	66.083.641.942

(*) Công ty tạm chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông sáng lập

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	22.289.560.000	51,00	22.289.560.000	51,00
Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Thành Lực	2.350.000.000	5,38	2.350.000.000	5,38
Cổ đông khác	19.065.540.000	43,62	19.065.540.000	43,62
	43.705.100.000	100,00	43.705.100.000	100,00

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.370.510	4.370.510
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 21 tháng 04 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 5.244.612.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 783.589.227
• Trích khen thưởng phúc lợi	: 783.589.227
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 394.000.000

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.20.1 Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	Nguyên nhân xóa
Xóa nợ phải thu Trạm Xăng Dầu Sa Đéc	178.056.600	178.056.600	Do Công ty nhận thấy những khoản phải thu này không có khả năng thu hồi
	178.056.600	178.056.600	

5.20.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	65.544,87	31.182,51

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.498.184.820	48.929.162.598
	55.498.184.820	48.929.162.598

6.2 Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.850.070.046	15.657.370.061
	12.850.070.046	15.657.370.061

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	167.880.123	29.588.014
Cổ tức và lợi nhuận được chia	306.778.800	1.414.499.000
Chênh lệch tỷ giá	42.274.488	46.351.791
	516.933.411	1.490.438.805

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	322.585.607	48.585.299
Lỗ chênh lệch tỷ giá	47.290.241	3.596.632
	369.875.848	52.181.931

6.5 Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	9.132.431.143	7.363.224.627
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.450.000	24.131.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.912.323.996	4.971.226.890
Các chi phí bán hàng khác	6.407.103.270	3.930.324.500
	20.455.308.409	16.288.907.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.6	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
		2016	2015
		VND	VND
	Chi phí nhân viên quản lý	1.697.553.706	2.018.023.173
	Chi phí đồ dùng văn phòng	2.800.000	30.876.609
	Chi phí khấu hao TSCĐ	588.376.919	140.087.580
	Thuế, phí và lệ phí	873.381.653	698.069.672
	Chi phí dự phòng	309.840.200	-
	Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.073.593.974	6.059.484.197
		10.545.546.452	8.946.541.231
6.7	Thu nhập khác		
		2016	2015
		VND	VND
	Lãi thanh lý tài sản cố định	-	-
	Trong đó:	-	-
	- Thu thanh lý tài sản cố định	-	-
	- Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	-
	Bán phế liệu	15.000.000	16.000.000
	Các khoản thu nhập khác	36.752.400	151.975.264
		51.752.400	167.975.264
6.8	Chi phí khác		
		2016	2015
		VND	VND
	Lỗ thanh lý tài sản cố định	890.698.985	-
	Trong đó:		
	Thu thanh lý tài sản cố định	(3.363.636.364)	-
	Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	4.254.335.349	-
		890.698.985	-
6.9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
		2016	2015
		VND	VND
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.809.652.473	7.835.892.271
	Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
	- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(783.589.227)
	Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.809.652.473	7.052.303.044
	Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.370.510	4.370.510
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.016	1.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.856.320.046	15.712.378.337
Chi phí nhân công	10.829.984.849	9.381.247.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.500.700.915	5.116.314.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.421.131.019	2.208.489.565
Chi phí khác	10.932.947.878	8.479.388.804
	43.541.084.707	40.897.818.976

7 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	1.315.920.000	1.313.391.920	2.629.311.920
Phải trả người bán	640.980.572	-	640.980.572
Chi phí phải trả	106.712.444	-	106.712.444
	2.063.613.016	1.313.391.920	3.377.004.936
Ngày 01 tháng 01 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	1.730.006.550	1.606.000.000	3.336.006.550
Phải trả người bán	622.756.078	-	622.756.078
Chi phí phải trả	211.831.659	-	211.831.659
	2.564.594.287	1.606.000.000	4.170.594.287

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp đất đai và phương tiện vận tải của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	791.342.456	747.639.051	791.342.456	747.639.051
Phải thu các bên liên quan	2.675.870.405	3.439.424.154	2.675.870.405	3.439.424.154
Các khoản phải thu khác	77.216.897	207.641.317	77.216.897	207.641.317
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư dài hạn khác	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.995.345.931	2.422.840.953	12.995.345.931	2.422.840.953
	25.301.409.119	16.370.521.361	25.301.409.119	16.370.521.361
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	2.629.311.920	3.336.006.550	2.629.311.920	3.336.006.550
Phải trả người bán	640.980.572	622.756.078	640.980.572	622.756.078
Chi phí phải trả	106.712.444	211.831.659	106.712.444	211.831.659
	3.377.004.936	4.170.594.287	3.377.004.936	4.170.594.287

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Ban Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8 CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Công ty mẹ, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với Công ty mẹ**Giao dịch với công ty mẹ**

	2016 VND	2015 VND
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	31.783.493.612	32.406.779.802
Trả cổ tức	2.674.747.200	4.457.910.400
Bồi thường hàng thiếu	927.670.900	1.991.108.962
Mua dầu nhớt	560.755.227	-
Số dư của Công ty mẹ		
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.675.870.405	3.439.424.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.1.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2016 VND	2015 VND
Nhận cổ tức	149.304.000	28.071.400

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Không có các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2016 VND	2015 VND
Tiền lương, thưởng	952.200.000	840.100.000
Tiền thù lao	226.000.000	184.500.000
	1.178.200.000	1.024.600.000

8.1.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh đường và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.3 Trình bày lại số liệu so sánh

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 04 năm 2016.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	2015 Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	2015 Số liệu trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.973	(359)	1.614

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



LÊ THỊ THANH

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 4 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 



Nguyễn Hoàng Quân